

Bản án số: 136/2019/KDTM-PT

Ngày: 06/11/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 114/2019/TLPT - KDTM ngày 03/9/2019 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/ KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM , thành phố Hà Nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2019/QĐ-PT ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà nội giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S. Số 111A P, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Thu H , ông Phạm Đình T , bà Nguyễn Bích N , ông Trần Đại D – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q

(Có mặt bà H, ông D; vắng mặt bà N, ông T).

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T – Sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1977

Cùng trú tại: Số 94, tổ 3, khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1977
- Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1932
- Chị Hoàng Thị Quỳnh T – Sinh năm 2000
- Cháu Hoàng Thị Ngọc L – Sinh năm 2006
- Cháu Hoàng Thị Yến N – Sinh năm 2011

Cùng trú tại: Số 94, tổ 3, khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , Hà Nội.

Bà Tuân, cháu T ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng. Cháu L, cháu N do ông T, bà L đại diện hợp pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q do bà Ngô Thị Thu H đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh BD – Phòng giao dịch Hào Nam (sau đây gọi tắt là NH Q) cấp tín dụng cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L chi tiết theo Hợp đồng tín dụng số 015CN146/HĐTD1-NH Q /2011 ngày 01/8/2011. Theo đó, NH Q giải ngân số tiền 600.000.000 đồng theo kế ước nhận nợ số 015CN146/KUNN1-NH Q /2011 ngày 01/8/2011.

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 01/8/2011.
- Mục đích vay: Sửa chữa nhà kho và mua xe ô tô tải kinh doanh cá tươi.
- Lãi suất: 24.5%/năm, áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của NH Q + lãi biên tối thiểu là 4.0%/năm và tuân thủ các quy định của NHNN/pháp luật về trần lãi suất cho vay, nếu có. Tại thời điểm giải ngân áp dụng thay đổi 06 tháng/lần.
- Hình thức giải ngân: Tiền mặt.
- Phương thức trả nợ: Ngày trả nợ gốc: vào ngày 05 hàng tháng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 05/9/2011. Mỗi kỳ trả gốc số tiền là: 10.000.000 đồng; Ngày trả nợ lãi: Trả vào ngày 05 hàng tháng tính trên dư nợ thực tế, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/9/2011.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với diện tích 258,7 m² thuộc thửa đất 47, tờ bản đồ số 96, tại địa chỉ khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471140, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 01983 do UBND huyện CM , Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/2009 đứng tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L . Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 02227.11; quyền số 07 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 20/7/2011 tại Văn phòng Công chứng VX , Thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Tạm tính đến ngày 06/5/2019, ông T , bà L đã trả được cho NH Q số tiền là: 270.664.060 đồng, trong đó nợ gốc: 124.318.782 đồng; nợ lãi: 146.345.278 đồng.

Tuy nhiên, sau đó ông T - bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với NH Q vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 05/9/2012.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T , bà L phải trả số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2019 là: 1.414.983.293 đồng, trong đó nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 153.875.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 785.426.659 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 07/5/2019 cho đến ngày ông T , bà L trả hết nợ cho NH Q .

Trường hợp ông T , bà L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ đối với NH Q , đề nghị Tòa án tuyên NH Q có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị ông T , bà L phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho NH Q .

*** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, bị đơn ông Hoàng Văn Thắng và bà Nguyễn Thị L trình bày:**

2.1. Về Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Vợ chồng ông T , bà L xác nhận như lời khai của đại diện Ngân hàng TMCP Q (NH Q) về việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ, số tiền được giải ngân và về mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay và số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/5/2019 đã trả được ngân hàng như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Tạm tính đến ngày 06/5/2019, ông T , bà L xác nhận còn nợ NH Q tổng số tiền là 1.414.983.293 đồng, trong đó nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 153.875.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 785.426.659 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T , bà L nhất trí trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, sau đó, ông T , bà L đề nghị nguyên đơn miễn giảm toàn bộ lãi, chỉ ghi nhận đến thời điểm ngày 06/5/2019 ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L còn nợ ngân hàng số tiền gốc là: 475.681.218 đồng. Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T , bà L trả dần số nợ trên trong thời hạn từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông, bà xác nhận trên tài sản thế chấp hiện nay có: Vợ chồng ông Hoàng Văn T , bà Nguyễn Thị L , cụ Nguyễn Thị T (mẹ ông T) và 03 con là chị Hoàng Thị Quỳnh T , cháu Hoàng Thị Ngọc L , cháu Hoàng Thị Yến N đang sinh sống.

Ngoài ra không có ai khác, không cho ai thuê mượn, ở nhờ, không cầm cố thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác ngoài NH Q .

Ông T , bà L nhất trí với yêu cầu của ngân hàng trong trường hợp vợ chồng ông không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị T , chị Hoàng Thị Quỳnh T trình bày:**

Việc ông T , bà L vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và sử dụng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, cụ Tuân và chị Trang có biết. Cụ Tuân, chị Trang đề nghị ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi, thu nợ vào gốc trước và tạo điều kiện về thời gian để ông T , bà L có khả năng trả dứt nợ và lấy lại tài sản về cho gia đình. Tài sản bảo đảm này do ông T , bà L tạo lập được, cụ Tuân và chị Trang không có công sức đóng góp gì.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/ KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (NH Q) đối với vợ chồng ông Hoàng Văn T – bà Nguyễn Thị L .

- Buộc ông Hoàng Văn T , bà Nguyễn Thị L phải trả cho NH Q tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 015CN146/HĐTD1 - NH Q /2011 ngày 01/08/2011, tạm tính đến ngày 20/6/2019 là 1.435.050.410 đồng; trong đó nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 153.875.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 805.493.776 đồng.

Ông T , bà L phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 015CN146/HĐTD1-NH Q /2011 ngày 01/8/2011 kể từ ngày 21/6/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trường hợp ông T – bà L không trả nợ thì NH Q có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 258,7 m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 96, tại địa chỉ khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , Tp. Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471140, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01983 do UBND huyện CM , Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/2009 đứng tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L . Hợp đồng thế chấp số công chứng 02227.11; quyền số 07 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 20/7/2011 tại Văn phòng công chứng VX , Thành phố Hà Nội giữa NH Q với ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L .

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/7/2019, ông Hoàng Văn T kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/ KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM với lý do: ông không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa

án nhân dân huyện CM . Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét đến điều kiện khó khăn về kinh tế của gia đình ông mà vẫn buộc vợ chồng ông phải thanh toán cả gốc và lãi quá hạn cho ngân hàng là không công bằng. Ông đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét hoàn cảnh kinh tế gia đình ông, không chấp nhận yêu cầu lãi suất quá hạn và gia hạn trả nợ gốc cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp bảng kê tính lãi mới tính đến 20/6/2019, theo đó nguyên đơn đã tự nguyện điều chỉnh lãi trong hạn và lãi quá hạn giảm xuống. Cụ thể: Nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 712.145.132 đồng. Tổng số: 1.187.826.350 đồng.

Các đương sự khác không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới và giữ nguyên lời khai như cấp sơ thẩm. Bị đơn là anh Hoàng Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử theo đúng qui định của pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T . Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi trong hạn và lãi quá hạn. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung này và sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn T làm trong thời hạn luật định và ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt bà Tuấn, chị Quỳnh Trang nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo của ông T đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tài liệu hồ sơ thể hiện: Ngày 20/7/2011, ông Hoàng Văn Thắng, bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng thế chấp để thế chấp tài sản là nhà đất tại địa chỉ: Khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của ông, bà tại Ngân hàng. Theo xác minh của Công an thị trấn XM thì trên thửa đất trên có ông T , bà L , bà Tuân (mẹ ông T) và các con ông T là: Trang, Linh, Nhi đang sinh sống, quản lý và sử dụng. Bản án sơ thẩm chỉ đưa bà Tuân và các con ông T là Trang, Linh, Nhi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không xác định ông T , bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T , bà L cũng là bị đơn trong vụ án và dùng tài sản của mình để thế chấp cho ngân hàng vay tiền, nên việc Tòa án xác định thiếu tư cách của họ trong vụ án không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án cũng như nghĩa vụ trả nợ của ông bà Thắng, Loan đối với ngân hàng, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- *Về việc tham gia tố tụng của các đương sự tại Tòa án cấp sơ thẩm:* Tại đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn T có nội dung: Ông T cho rằng ông không nhận được lịch xét xử, không nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nên ông không đồng ý với bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu hồ sơ thể hiện: Ngày 20/5/2019, Tòa án nhân dân huyện CM đã ban hành Quyết định xét xử số 06/2019/QĐXXST – KDTM ấn định thời gian xét xử vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 05/6/2019. Ngày 22/5/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM , thư ký Tòa án đã tổng đạt cho ông T Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Thông báo kết quả phiên họp về việc công khai, tiếp cận giao nộp chứng cứ. Tại biên bản tổng đạt ngày 22/5/2019, ông Hoàng Văn T đã ký xác nhận về việc đã được Tòa án sơ thẩm tổng đạt các văn bản nêu trên.

Ngày 05/6/2019, tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, do ông T , bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện CM đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-KDTM ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 21/6/2019. Ngày 06/6/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T , bà L , bà Tuân, các cháu: Trang, Linh, Nhi qua ông Hoàng Văn Thắng. Ông T đã ký xác nhận vào biên bản tổng đạt ngày 06/6/2019 về việc Tòa án đã giao quyết định hoãn cho gia đình ông.

Tuy nhiên, đến ngày 21/6/2019, ông T , bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nên được coi là từ bỏ việc tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông T , bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của ông T cho rằng ông không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Về nội dung ông Hoàng Văn T cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét đến điều kiện khó khăn về kinh tế của gia đình ông mà vẫn buộc vợ chồng

ông phải thanh toán cả gốc và lãi quá hạn cho ngân hàng là không công bằng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn: Ngày 01/8/2011, ông Hoàng Văn T và vợ là Nguyễn Thị L đã cùng ký kết hợp đồng tín dụng số 015CN146/HDDTD-NH Q /2011 với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh BD – Phòng giao dịch Hào Nam là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Theo đó, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn số tiền 600.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 015CN146/KUNN1-NH Q /2011 ngày 01/8/2011. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi được vay vốn, ông T bà L đã trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 124.318.782 đồng và lãi trong hạn là 147.603.753 đồng. Sau đó, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2019 là 1.435.050.410 đồng; trong đó nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 153.875.416 đồng; nợ lãi quá hạn: 805.493.776 đồng là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn như trên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo của ông T không chấp nhận yêu cầu lãi suất quá hạn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, các bên đã thỏa thuận: Lãi suất cho vay thả nổi, áp dụng lãi suất tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của NH Q + lãi biên độ tối thiểu là 4%/năm.

Tại Khoản 2 Điều 4 Hợp đồng tín dụng qui định: Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được NH Q đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì phải thanh toán ngay toàn bộ số nợ còn lại theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Khi ông T , bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi ngân hàng đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: kể từ thời điểm ký kết hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng đã nhiều lần điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng với nội dung lãi suất cho vay thả nổi. Ngân hàng đã 05 lần điều chỉnh mức lãi suất theo hướng giảm dần mức lãi xuất từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do điều chỉnh mức lãi suất xuống thấp hơn thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo đó, nguyên đơn điều chỉnh lãi trong hạn từ 153.875.416 đồng còn 0 đồng; lãi quá hạn từ 805.493.776 đồng còn 712.145.132 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải trả nguyên đơn từ 1.435.050.410 đồng còn 1.187.826.350 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với một phần lãi trong hạn và lãi quá hạn là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét

xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về lãi suất và sửa án sơ thẩm về nội dung này.

- Xét hợp đồng thế chấp số công chứng 02227.11; quyền số 07 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 20/7/2011 thì thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bên thế chấp, bên vay là ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L ; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh BD – Phòng giao dịch Hào Nam. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471140 tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 96 tại địa chỉ: Khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 10/12/2009 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L

Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch, được ký tại Phòng công chứng VX , thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Ông T , bà L xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp mang tên ông bà, tại thời điểm thế chấp chưa được dùng làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ở bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác, tài sản không có tranh chấp nào về quyền sở hữu và sử dụng. Ông T , bà L không có ý kiến gì đối với hợp đồng thế chấp cũng như yêu cầu phát mại tại Ngân hàng. Tại đơn kháng cáo cũng như ý kiến bằng văn bản tại Tòa án, ông T , bà L chỉ đề nghị Ngân hàng xem xét điều kiện khó khăn của ông, bà để miễn giảm lãi và gia hạn thời hạn trả nợ gốc cho ông bà. Ông bà cũng không có yêu cầu độc lập hay phản tố gì đối với yêu cầu này của ngân hàng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Về tài sản, công trình trên đất: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T , bà L chỉ thể hiện quyền sử dụng đất của ông T , bà L là 258,7m² tại khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , Hà Nội. Ngoài ra, không ghi nhận quyền sở hữu của ông , bà đối với tài sản gắn liền với đất.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Trên đất có: 01 nhà mái bằng, khu bếp và công trình phụ lợp mái tôn. Ngoài ra còn có sân gạch lợp mái tôn.

Tại hợp đồng thế chấp, biên bản thẩm định giá giữa ngân hàng và ông T , bà L đã thỏa thuận: Toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp.

Do vậy, trường hợp ông T , bà L không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 96 tại địa chỉ: Khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471140 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 10/12/2009 cho ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L .

Xem xét toàn bộ đơn kháng cáo của ông T , bà L thấy: Tại đơn kháng cáo đề ngày 08/7/2019, ông Hoàng Văn T cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không xem xét đến hoàn cảnh kinh tế khó khăn của gia đình ông như ông trình bày trong đơn với nội dung: ông phải nuôi mẹ già, 03 con còn nhỏ, vợ không có công ăn việc làm.... nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình ông để bác toàn bộ yêu cầu về lãi và gia hạn thời hạn trả nợ gốc cho ông. Xét thấy, yêu cầu của ông không thuộc các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa ông T , bà L và ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức buổi hòa giải giữa ngân hàng và ông T , bà L . Tại buổi hòa giải, các bên không hòa giải được nên Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Hoàng Văn T có căn cứ chấp nhận một phần về yêu cầu giảm lãi suất do ngân hàng tự nguyện điều chỉnh lãi suất, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất đối với bị đơn.

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/ KDTM-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM , thành phố Hà Nội về lãi suất. Cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, 318 , 319, 323 , 342, 355, 351, 474, 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn T về lãi suất.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L về lãi trong hạn và lãi quá hạn.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L .
4. Buộc ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/6/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 015CN146/HĐTD1-NH Q /2011 ngày 01/08/2011 là 1.187.826.350 đồng; trong đó nợ gốc: 475.681.218 đồng; nợ lãi trong hạn: 0 đồng; nợ lãi quá hạn: 712.145.132 đồng.

5. Kể từ ngày 21/6/2019, ông Hoàng Văn Thắng, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Trường hợp ông Hoàng Văn Thắng, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 96 tại địa chỉ: Khu ĐV , thị trấn XM , huyện CM , thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471140 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 10/12/2009 mang tên ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

7. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp phải có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

8. Trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên thì ông Hoàng Văn Thắng, bà Nguyễn Thị L vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi hết nợ.

9. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Hoàng Văn Thắng, bà Nguyễn Thị L còn nợ của Ngân hàng TMCP Q thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

10. Về án phí: Án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T , bà Nguyễn Thị L phải chịu 47.634.790 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm. Đối trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Hoàng Văn T đã nộp theo biên lai số 0004160 ngày 15/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM , thành phố Hà Nội, ông T , bà L còn phải nộp 45.634.790 đồng.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng TMCP Q 24.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3847 ngày 06/3/2019 đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện CM , thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 06/11/2019.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện CM ;
- Chi Cục THADS huyện CM ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Thủy